

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.
2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: tổ 3, ấp 1, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Trong quá trình tố tụng vụ án đều vắng mặt và triệu tập xét xử đến lần thứ hai vẫn vắng mặt)

3. Người làm chứng: Đỗ Văn P, sinh năm: 1952. (cha anh H - vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị D: Sau thời gian tìm hiểu, vào năm 2002 chị D và anh Đỗ Văn H thống nhất đi đến hôn nhân, sau đó chị D và anh H sống bên gia đình anh H ở ấp L, xã L, huyện H được 09 năm, thời gian đầu sống hạnh phúc và có 02 người con chung tên: 1/ Đỗ Thị V, sinh ngày 01/02/2003, 2/ Đỗ Thị Khánh N, sinh ngày 27/02/2008, nhưng từ khi sống chung đến nay không có đăng ký kết hôn. Có khoảng thời gian (không nhớ năm) cuộc sống chung giữa chị D và anh H không hợp nhau, nên chị D bỏ về quê cha mẹ ruột ở ấp 1, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang sinh sống cùng với 02 đứa con, sau đó anh H cũng về sống chung và tiếp tục sinh thêm người con thứ 3/ Đỗ Văn Chí T, sinh ngày 13/02/2013, nhưng tình cảm vợ chồng cũng không hợp nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2017 thì chị D với anh H không còn sống chung và ly thân đến nay, trong thời gian ly thân không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị D yêu cầu ly hôn với anh H.

+ Về con chung, có 03 người: tên Đỗ Thị V, sinh ngày 01/02/2003, Đỗ Thị Khánh N, sinh ngày 27/02/2008, Đỗ Văn Chí T, sinh ngày 13/02/2013 hiện đang sống với chị D, chị D yêu cầu được nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bi đơn anh Đỗ Văn H đều vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không có ý kiến.

- Người làm chứng ông Đỗ Văn P (cha ruột anh H) trình bày tại biên bản lấy lời của Tòa án ngày 20/7/2020: Ông là cha ruột của anh H, anh H là con trái út sống chung gia đình với ông và có chung hộ khẩu, văn bản mà Tòa án gửi ông đều giao lại cho H và H đều biết chị D yêu cầu ly hôn, theo ý ông thì Tòa án xét xử theo quy định pháp luật, còn H thì do công việc làm ăn nên không đến Tòa được.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2002 cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, được sự xác nhận của Ủy ban

nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang vào ngày 02/3/2020 và Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 20/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

....”

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

....”

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy, chị D và anh H có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vì vậy, tuyên bố không công nhận chị Trần Thị D và anh Đỗ Văn H là quan hệ vợ chồng.

+ Về con chung: có 03 con chung Đỗ Thị V, sinh ngày 01/02/2003, Đỗ Thị Khánh N, sinh ngày 27/02/2008, Đỗ Văn Chí T, sinh ngày 13/02/2013. Tại bản khai của cháu V, cháu N và cháu T đều có nguyện vọng sống với chị D. Do đó, giao 03 cháu cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có, anh H cũng không gửi văn bản ý kiến về vấn đề này, do đó không xem xét giải quyết.

* Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn Đỗ Văn H thì trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định pháp luật về việc triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, và người làm chứng ông Đỗ Văn P cũng vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ Văn H và người làm chứng Đỗ Văn P.

[2]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị D và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

- Về hôn nhân: Vào năm 2002 sau khi tìm hiểu, thì chị D với anh H thống nhất sống với nhau thành vợ chồng tại nhà của cha mẹ ruột anh H ở ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu chị D, anh H sống hạnh phúc và có với nhau 03 người con chung tên Đỗ Thị V, sinh ngày 01/02/2003, Đỗ Thị Khánh N, sinh ngày 27/02/2008, Đỗ Văn Chí T, sinh ngày 13/02/2013. Do có mâu thuẫn trong cuộc sống, nên chị D cùng 03 người con bỏ về quê cha mẹ ruột ở ấp 1, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang sinh sống, sau đó anh H cũng về cùng sống chung với mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không đạt được mà mâu thuẫn lại càng trầm trọng hơn, nên đến khoảng năm 2017 thì chị D, anh H bắt đầu ly thân không còn sống chung cho đến nay, nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử, xét thấy: chị D, anh H đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình: *“Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên...”*, nhưng việc sống chung như vợ chồng của chị D, anh H lại không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình *(theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân xã V, thị xã T, tỉnh An Giang và trình bày của chị Trần Thị D)*, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*, nay đã có tranh chấp yêu cầu ly hôn, chiếu theo quy định của điều luật nêu trên thì không giải quyết như trường hợp hôn nhân hợp pháp, mà phải cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận chị D, anh H là vợ chồng.

- Về con chung: Theo chị D trình bày và theo các giấy khai sinh thể hiện thì chị D, anh H có 03 người con chung: 1/ Đỗ Thị V, sinh ngày 01/02/2003, 2/ Đỗ Thị Khánh N, sinh ngày 27/02/2008, 3/ Đỗ Văn Chí T, sinh ngày 13/02/2013, hiện đang sống với chị D và chị D yêu cầu nuôi dưỡng cả 03 con, không yêu cầu anh H cấp

đưỡng nuôi con. Xét thấy mặt dù không có ý kiến của anh H, nhưng với tinh thần tự nguyện của chị D và nguyện vọng của cả 03 người con đều xin được sống với mẹ D, nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 người con nêu trên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D chưa yêu cầu.

- Về tài sản và nợ chung: Chị D khai rằng không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đặc vấn đề xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí. Thì chị D là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0003012 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, nên chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh Đỗ Văn H không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị D với anh Đỗ Văn H.

2. Về con chung: Chị Trần Thị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 người con chung tên: 1/ Đỗ Thị V, sinh ngày 01/02/2003, 2/ Đỗ Thị Khánh N, sinh ngày 27/02/2008, 3/ Đỗ Văn Chí T, sinh ngày 13/02/2013, *(Theo yêu cầu của chị D, nguyện vọng của cả 03 người con và hiện đều đang sống với chị D)*; Anh Đỗ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D chưa yêu cầu; Anh Đỗ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Chị Trần Thị D khai rằng không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đặc vấn đề xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

+ Chị Trần Thị D là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị D đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai thu số: BI/2019/0003012 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Trần Thị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

+ Anh Đỗ Văn H không phải nộp án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/8/2020). Đối với bị đơn anh Đỗ Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã L, huyện H;
- UBND xã Vĩ, TX.T, AG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách